

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**LÊ THỊ PHƯƠNG LOAN**

**HỢP TÁC VĂN HOÁ – XÃ HỘI CỦA MỸ VỚI**  
**ASEAN GIAI ĐOẠN 2009 – 2020**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC**

**Hà Nội - 2022**

Công trình được hoàn thành tại:

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Hoàng Khắc Nam

Phản biện: .....

Phản biện: .....

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn vào hồi ..... giờ ..... ngày ... tháng ... năm 2021.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Từ năm 2001 đến nay, nhiều nhân tố ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín quốc tế của Mỹ đã và đang trỗi dậy, đe dọa vị trí số một thế giới về kinh tế-chính trị của Mỹ. Trong bối cảnh không dễ dàng sử dụng các công cụ quyền lực cứng như quân sự và kinh tế như trước, hợp tác văn hóa – xã hội (VH-XH) là phương thức được Mỹ sử dụng để nâng cao sức mạnh mềm, cải thiện vị thế và hình ảnh của Mỹ trên thế giới. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là tổ chức hợp tác chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của 10 quốc gia Đông Nam Á. Trải qua hơn 50 năm phát triển, ASEAN đã trở thành đối tác quan trọng trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ tại khu vực. Hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN được triển khai thông qua hàng loạt chương trình, sáng kiến trao đổi văn hoá, nghệ thuật, giáo dục, trao quyền cho quyền phụ nữ, ứng phó với thiên tai, và hỗ trợ y tế.

Việc nghiên cứu hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN có ý nghĩa thực tiễn trong việc đề xuất khuyến nghị chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Mỹ với tư cách một chủ thể quan hệ quốc tế độc lập, có chủ quyền, và là nước thành viên tích cực của ASEAN. Vì vậy, nghiên cứu sinh chọn đề tài “*Hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009 – 2020*” làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế tại Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

## 2. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

### 2.1. Mục đích

Mục tiêu nghiên cứu tổng quát của luận án là làm rõ thực trạng hợp tác văn hoá – xã hội của Mỹ đối với các quốc gia ASEAN từ năm 2009 đến năm 2020 và tác động của hoạt động này đến ASEAN; trên cơ sở đó, đề xuất khuyến nghị chính sách dành cho Việt Nam

### 2.2. Nhiệm vụ

Mục tiêu chi tiết của luận án bao gồm:

- Hệ thống hoá và biện giải cơ sở lý thuyết từ các công trình nghiên cứu về chính sách và thực tiễn triển khai hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN.

- Xác định các nhân tố tác động đến hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ đối với ASEAN giai đoạn 2009 – 2020 thông qua việc phân tích mục tiêu hợp tác VH-XH của Mỹ ở Đông Nam Á.

- Nghiên cứu quá trình Mỹ triển khai hoạt động hợp tác VH-XH đối với ASEAN và các quốc gia thành viên giai đoạn 2009 – 2020 để nhận định một số điểm nổi bật trong hoạt động hợp tác này và những tác động đến ASEAN.

- Dự báo về triển vọng của mối quan hệ hợp tác trên lĩnh vực VH-XH của Mỹ với ASEAN và đề xuất khuyến nghị chính sách cho Việt Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hợp tác văn hoá – xã hội của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009 – 2020.

#### ***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Luận án nghiên cứu trong các phạm vi sau đây:

*Về nội dung*, luận án nghiên cứu hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN hơn là ngược lại, gồm cả quan hệ song phương của Mỹ với các quốc gia thành viên ASEAN và với ASEAN với tư cách là thể chế khu vực.

*Về phạm vi không gian địa lý*, luận án nghiên cứu hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN từ 2009 đến 2020 tại Đông Nam Á. Trong một số vấn đề, phạm vi nghiên cứu mở rộng sang cả châu Á – Thái Bình Dương.

*Về phạm vi thời gian*, luận án nghiên cứu giai đoạn 2009 – 2020, là thời kỳ của hai chính quyền tổng thống Barack Obama và Donald Trump.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành khoa học xã hội và nhân văn, và phương pháp nghiên cứu đặc thù. Trong đó, quan trọng nhất là *các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế*, giúp phân tích nhân tố tác động đến chính sách hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN. *Phương pháp nghiên cứu hệ thống* đặt Mỹ và ASEAN trong cùng hệ thống quốc tế để

nghiên cứu nhân tố tác động đến chính sách, quá trình thực thi và kết quả của chính sách. *Phương pháp logic – lịch sử* giúp nghiên cứu quá trình Mỹ hoạch định và triển khai chính sách hợp tác VH-XH với ASEAN theo trình tự không gian và thời gian. *Phương pháp phân tích chính sách đối ngoại* giúp làm rõ mục tiêu và nội dung chính sách hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN. Ngoài ra, *phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích và tổng hợp* cũng được sử dụng để đánh giá kết quả thông qua quyết định đối ngoại. *Phương pháp dự báo* được sử dụng để dự báo triển vọng hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN trong tương lai.

## **5. Nguồn tài liệu**

Để thực hiện luận án, tác giả khai thác tài liệu ở nhiều nguồn, cụ thể:

- Về nguồn tài liệu gốc, luận án tham khảo tài liệu có tính chất cương lĩnh, định hướng đường lối đối ngoại (Chiến lược an ninh quốc gia, Thông điệp liên bang, Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam, thông cáo báo chí, hoặc phát biểu của cá nhân lãnh đạo). Nguồn tư liệu này được khai thác ở cổng thông tin điện tử của Chính phủ Việt Nam, trang thông tin điện tử của đại sứ quán, lãnh sự quán Mỹ tại ASEAN và các nước thành viên.

- Kế thừa, tham khảo những công trình nghiên cứu của các tác giả đi trước, chủ yếu của các học giả Mỹ và ASEAN về hợp tác VH-XH trong quan hệ quốc tế, và hợp tác văn hóa – xã hội của Mỹ với ASEAN.

## **6. Đóng góp mới về khoa học của luận án**

Có thể khẳng định luận án là công trình chuyên khảo đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu về hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009 – 2020. Vì vậy, luận án có đóng góp mới cả về khoa học, thực tiễn và tư liệu.

Về khoa học, luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống về thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009-2020; góp phần chỉ ra được nhân tố tác động đến hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN, đưa ra được những luận điểm đánh giá lại sự hợp tác này một cách khách quan và toàn diện hơn; từ đó đánh giá tác động của các chương trình, sáng kiến hợp tác và đề xuất khuyến nghị chính sách dành cho Việt Nam.

Về thực tiễn, luận án gợi mở một số khuyến nghị chính sách dành cho Việt Nam trong quan hệ hợp tác VH-XH với Mỹ.

Về tư liệu, luận án đã tập hợp, hệ thống hoá tư liệu và cung cấp tương đối phong phú những thông tin và tư liệu về thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ đối với ASEAN; và sẽ là một nguồn tư liệu tham khảo quan trọng cho những ai quan tâm đến vấn đề mang tính thời sự này.

## **7. Bố cục của luận án**

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận án gồm có 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận

Chương 3: Nội dung chính sách và thực tiễn triển khai hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN

Chương 4: Nhận xét và dự báo về hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN

## **CHƯƠNG 1**

### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

#### **1.1. Tình hình nghiên cứu về hợp tác văn hoá – xã hội trong quan hệ quốc tế**

Nghiên cứu về hợp tác trên lĩnh vực VH-XH trong quan hệ quốc tế, có thể kể đến các tác phẩm: *The San Francisco Peace Treaty: Cross – Cultural Elements in Interaction between the Americans and the Japanese* (Hiệp ước Hòa bình San Francisco: Yếu tố liên liên văn hóa trong tương tác giữa người Mỹ và người Nhật) của Marie D. Strazar (1981), “*Why Social Relations matter for politics and successful societies?*” (Tại sao quan hệ xã hội lại quan trọng đối với chính trị và những xã hội thành công?) của Peter A. Hall & Michelle Lamont (2013).

Nghiên cứu về vai trò của yếu tố tinh thần như văn hoá hay bản sắc trong quan hệ quốc tế, có thể kể đến “*Culture and Power: International Relations as Intercultural Relations* (Văn hoá và Quyền lực: Quan hệ quốc tế là quan hệ liên văn hoá) của Akira Iriye (1979), “*Culture, Identity and International*

*Relations*” (Văn hoá, bản sắc và quan hệ quốc tế) của Rajen Harshe (2006), “*Foreign Policy and The Cultural Factor: A Research and Education Agenda*” (Chính sách đối ngoại và yếu tố văn hoá trong Chương trình Nghiên cứu và Giáo dục) của Peter Ester & Pieter van Nispen (2013), “*Why cultural values cannot be ignored in international relations*” (Tại sao không thể bỏ qua các giá trị văn hoá trong quan hệ quốc tế) của Kadira Pethiyagoda (2014).

Hầu hết những ấn phẩm này chỉ dừng ở việc đánh giá tác động của văn hoá tới một khía cạnh như kinh tế, chính trị chứ chưa thực sự lồng ghép vào để phân tích ảnh hưởng đối với quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của quốc gia cũng như đối với hệ thống quan hệ quốc tế.

Trong quan hệ quốc tế, nếu cần nhắc thêm yếu tố VH-XH vào quá trình ra quyết sách, những nhà hoạch định chính sách có thể có một góc nhìn mới toàn diện hơn để đánh giá và điều chỉnh chính sách đối ngoại thay vì chỉ dựa vào yếu tố thông thường như chi tiêu công, thuế, v.v. Bởi lẽ, an ninh chính trị được duy trì dựa trên cả góc độ kinh tế và VH-XH. Nói cách khác, VH-XH đóng vai trò bản lề, chi phối mọi khía cạnh, mọi lĩnh vực của quốc gia, ảnh hưởng đến trật tự quan hệ quốc tế trên nhiều phương diện khác nhau.

## **1.2. Tình hình nghiên cứu về chính sách hợp tác văn hoá – xã hội của Mỹ với ASEAN**

Nghiên cứu về thực tiễn triển khai quan hệ Mỹ – ASEAN có thể kể đến các tác phẩm như: *Quan hệ Mỹ – ASEAN (1967 – 1997): Lịch sử và triển vọng* của Lê Văn Anh (2009), *Sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI* của Nguyễn Thu Thủy (2007), *Quan hệ Hoa Kỳ – ASEAN 2001 – 2020* của Nguyễn Thiết Sơn (2012), “*Những điều chỉnh của ASEAN trong quan hệ với Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh*” của Nguyễn Phú Tân Hương (2015), và “*Sự tiến triển trong quan hệ ngoại giao Mỹ – ASEAN từ năm 1977 đến năm 2015*” của Trần Lê Minh Trang (2017). Điểm chung của các công trình này là tập trung vào quan hệ Mỹ – ASEAN trong lĩnh vực an ninh, chính trị và kinh tế mà chưa đặt hợp tác VH-XH ở đúng vị trí của nó.

Nghiên cứu về chính sách ngoại giao văn hoá, ngoại giao nhân dân của Mỹ có thể kể đến: “*Ngoại giao nhân dân trong quan hệ đối ngoại của Mỹ*” của Nguyễn Thị Thanh Thuý (2010), “*Đặc trưng văn hoá Mỹ và sự tác động tới chính sách đối ngoại của Mỹ*” của Nguyễn Thái Yên Hương (2018). Hai công trình này chưa nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống về chính sách hợp tác VH-XH mà Mỹ đã xây dựng và triển khai trong quan hệ với ASEAN, cụ thể trong giai đoạn 2009 – 2020, đó là điểm mới trong luận án này.

Công trình nghiên cứu của học giả nước ngoài, có thể kể đến “*The Power of Balance: Advancing U.S. – ASEAN Relations under the Second Obama Administration*” (Sức mạnh của Cân bằng: Thúc đẩy quan hệ Mỹ – ASEAN trong nhiệm kỳ thứ hai của chính quyền Tổng thống Obama) của Prashanth Parameswaran (2013); “*U.S. – ASEAN relations under the Obama administration 2009 – 2011*” (Quan hệ Mỹ – ASEAN dưới thời chính quyền Tổng thống Obama giai đoạn 2009 – 2011) của Carmia Carroll (2011), và “*U.S. – ASEAN Relations in a Changing Global Context*” (Quan hệ Mỹ – ASEAN trong bối cảnh toàn cầu đang thay đổi) của Michael Plummer (2017). Mặc dù các công trình này nghiên cứu sự điều chỉnh chính sách và thực tiễn quan hệ ngoại giao Mỹ – ASEAN, nhưng việc nghiên cứu sâu về hợp tác VH-XH như một nhân tố tác động đến sự thành công của việc triển khai chính sách đối ngoại của Mỹ với ASEAN chưa được đề cập chuyên sâu.

### **1.3. Nhận xét**

Tổng quan công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, tác giả có một số nhận xét như sau:

*Thứ nhất*, những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về hợp tác trong quan hệ quốc tế chỉ tập trung vào quan hệ đối ngoại nói chung, chứ không chuyên sâu vào hợp tác VH-XH.

*Thứ hai*, các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Mỹ, đặc biệt trong quan hệ với ASEAN, đa phần chỉ đề cập đến quan hệ Mỹ – ASEAN trên lĩnh vực an ninh, chính trị, kinh tế mà chưa khai thác chuyên sâu vào lĩnh vực VH-XH, đặc biệt trong giai đoạn từ 2009 đến 2020.



*Thứ ba*, luận án đã kế thừa cơ sở lý luận về hợp tác VH-XH trong quan hệ quốc tế, quan hệ ngoại giao của hai bên, cũng như một số nhận định về hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN, từ đó gắn cơ sở lý luận đó với thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009-2020.

Qua đó, nghiên cứu nhận thấy có những điểm luận án có thể tiếp tục bổ sung và phát triển như sau:

*Thứ nhất*, luận án bổ sung cơ sở lý luận và khung phân tích để nghiên cứu hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN, từ đó phân tích các nhân tố tác động đến hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009 – 2020.

*Thứ hai*, luận án hệ thống quá trình hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN từ năm 2009 đến 2020, qua đó, phân tích quá trình hợp tác này trên những biểu hiện cụ thể.

*Thứ ba*, luận án phân tích tác động tích cực và tiêu cực của hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN, từ đó đề xuất khuyến nghị cho Việt Nam.

## **CHƯƠNG 2**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN**

#### **2.1. Cơ sở lý luận**

##### **2.1.1. Các khái niệm**

###### *2.1.1.1. Khái niệm ngoại giao văn hoá*

Trong luận án này, *ngoại giao văn hoá* được hiểu là *công cụ để thực hiện chính sách đối ngoại cùng với hai trụ cột ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế. Ngoại giao văn hoá, sử dụng văn hoá làm công cụ ngoại giao, có mục tiêu thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau, từ đó xây dựng lòng tin, hình thành các giá trị chung giữa các quốc gia, để thực hiện các mục tiêu của chính sách đối ngoại và duy trì quan hệ ngoại giao ổn định và lâu dài giữa các chủ thể quan hệ quốc tế. Ngoại giao văn hoá có sự liên hệ qua lại chặt chẽ với hợp tác VH-XH: đôi khi hoà lẫn với nhau và cùng thúc đẩy nhau.*

###### *2.1.1.2. Khái niệm ngoại giao công chúng*

Trong luận án này, khái niệm ngoại giao công chúng được hiểu là *quá trình mà trong đó các tổ chức, các chủ thể công và tư nhân của một quốc gia*

*giao tiếp với công chúng ở nước ngoài để phổ biến các ý tưởng, văn hoá, tài sản và giá trị, trong một cuộc đối thoại liên tục với phần còn lại của thế giới nhằm tạo ra những cơ hội, sự kết nối, và củng cố lòng tin lẫn nhau. Trong chừng mực nào đó ngoại giao công chúng cũng có sự liên hệ qua lại gắn bó với hợp tác VH-XH khi cùng thúc đẩy lẫn nhau.*

### *2.1.1.3. Khái niệm hợp tác quốc tế*

Theo Hoàng Khắc Nam (2016) hợp tác quốc tế là “sự phối hợp hòa bình giữa các chủ thể quan hệ quốc tế nhằm thực hiện các mục đích chung”. Hợp tác VH-XH là cách phân chia hợp tác quốc tế trên lĩnh vực VH-XH. Nếu như trước kia hợp tác chính trị đóng vai trò quan trọng nhất thì hiện nay, hợp tác VH-XH ngày càng trở nên quan trọng hơn khi vai trò của văn hoá ngày càng tăng trong đời sống xã hội quốc tế. Hình thức biểu hiện của hợp tác VH-XH khá đa dạng nhưng chủ yếu bao gồm một số hoạt động: giao lưu văn hoá nghệ thuật, điện ảnh; bảo tồn di sản văn hoá; trao đổi giáo dục – đào tạo, xây dựng năng lực lãnh đạo trẻ; thúc đẩy giá trị dân chủ và nhân quyền; y tế và hỗ trợ nhân đạo; bảo vệ môi trường; và trao quyền cho phụ nữ. Đối với hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN, các hình thức biểu hiện trên được tác giả luận án sử dụng để phân tích thực tiễn triển khai hợp tác của Mỹ với ASEAN trên lĩnh vực VH-XH giai đoạn 2009-2020.

## **2.1.2. Lý thuyết quan hệ quốc tế có liên quan đến hợp tác VH-XH**

### *2.1.2.1. Chủ nghĩa Tự do*

Chủ nghĩa Tự do đề cao sự hợp tác và cho rằng hợp tác sẽ là xu hướng chính trong quan hệ quốc tế. Chủ nghĩa Tự do đề cao vai trò của thể chế quốc tế. Thể chế giúp các thành viên thực hiện lợi ích quốc gia với chi phí thấp hơn trên cơ sở tự nguyện hợp tác cùng thực hiện mục đích chung. Vì vậy, các quốc gia trong thế kỷ XXI tích cực tham gia vào các thể chế quốc tế để tăng cường cơ hội hợp tác và hội nhập, đồng thời giảm nguy cơ xung đột. Trong quan hệ Mỹ – ASEAN, việc hai bên chủ động tham gia vào các thể chế khu vực giúp xây dựng lòng tin, thúc đẩy hội nhập và tạo điều kiện phát triển hợp tác trên các lĩnh vực, đặc biệt là VH-XH. Như vậy, Chủ nghĩa Tự

do là lý thuyết thích hợp trong việc giải thích vì sao Mỹ và ASEAN nỗ lực thúc đẩy và duy trì hợp tác với nhau, trong đó có hợp tác VH-XH.

#### *2.1.2.2. Chủ nghĩa Kiến tạo*

Chủ nghĩa Kiến tạo nhấn mạnh vai trò của bản sắc và lợi ích. Bản sắc quốc gia là nền tảng của lợi ích và quy định hành động của quốc gia trong quan hệ quốc tế. Chủ nghĩa Kiến tạo cho rằng bản sắc rất đa dạng, không bất biến mà phụ thuộc nhiều vào bối cảnh lịch sử, văn hoá, và xã hội mà thông qua đó, quốc gia xác định lợi ích dựa trên cách luận giải bối cảnh. Các bản sắc xã hội của quốc gia có thể mang tính hợp tác và xung đột, lợi ích quốc gia cũng đa dạng và biến đổi tùy vào bản sắc xã hội mà quốc gia xác định trong những bối cảnh nhất định. Ví dụ, Mỹ có bản sắc siêu cường và lợi ích khác với ASEAN trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể. Như vậy, Chủ nghĩa Kiến tạo đề cao vai trò của yếu tố tinh thần như văn hoá, bản sắc, chuẩn mực, giúp lý giải vì sao Mỹ và ASEAN muốn thúc đẩy hợp tác VH-XH với nhau.

#### *2.1.2.3. Lý thuyết về sức mạnh mềm*

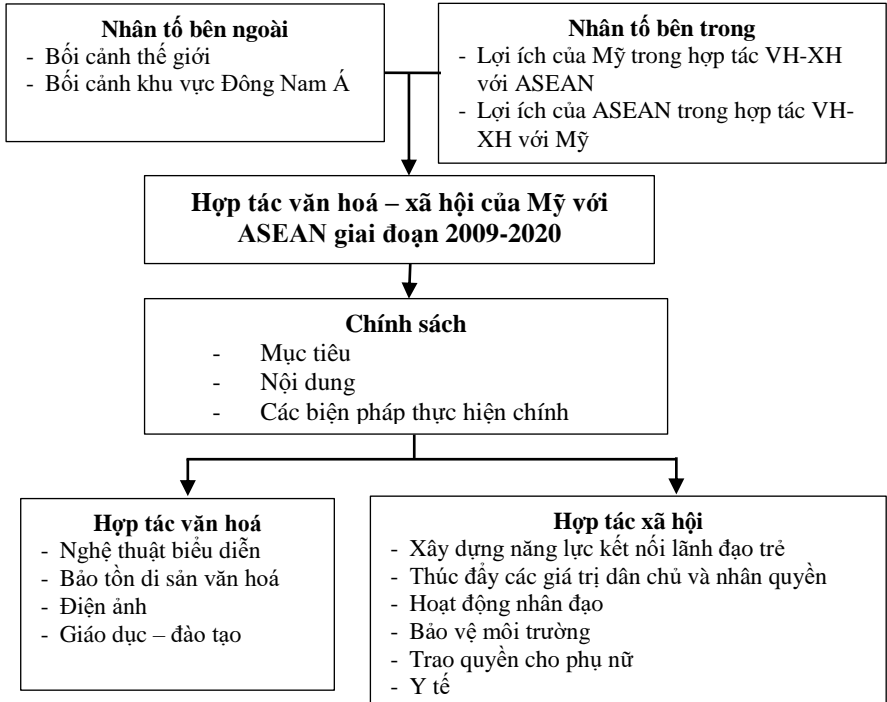
Theo Giáo sư Joshep Nye, người được xem là “cha đẻ” của khái niệm này, sức mạnh mềm là “khả năng thuyết phục quốc gia khác làm điều mình muốn mà không phải thông qua ép buộc hay dùng vũ lực”. Như vậy có thể hiểu sức mạnh mềm là sức mạnh “vô hình”, được thể hiện qua các hoạt động tập trung vào đối tượng là nhân dân của các quốc gia, nhằm truyền đi những “giá trị”, “bản sắc” thông qua nhiều hình thức và chủ thể tác động, từ đó tăng cường sức ảnh hưởng của quốc gia tới quan hệ quốc tế. Lý thuyết này góp phần giải thích sức mạnh mềm chính là mục tiêu quan trọng của Mỹ trong việc thúc đẩy hợp tác VH-XH với ASEAN.

#### *2.1.2.4. Lý thuyết Phê phán*

Lý thuyết Phê phán cho rằng toàn cầu hoá là điều kiện thuận lợi thúc đẩy giao tiếp toàn cầu, dẫn đến sự giao lưu hợp tác giữa các xã hội, làm gia tăng các cuộc đối thoại dân chủ giữa các quốc gia, từ đó đạt được sự đồng thuận tương đối về chuẩn mực giá trị phổ quát toàn cầu. Các chuẩn mực này giúp các nền văn hoá khác nhau xích lại gần nhau hơn, từ đó hình thành nền

chính trị toàn cầu bình đẳng và tự do hơn, thông qua đối thoại và hợp tác. Lý thuyết này giúp làm rõ thêm yêu cầu và nhu cầu của Mỹ và các nước ASEAN trong việc thúc đẩy hợp tác VH-XH với nhau.

### 2.1.3. Khung phân tích của luận án



Hình 2.1. Khung phân tích của luận án

## 2.2. Các nhân tố tác động

### 2.2.1. Các nhân tố bên ngoài

#### 2.2.1.1. Bối cảnh thế giới

a. Xu thế hợp tác gia tăng trên thế giới, trong đó có hợp tác VH-XH

Xu thế hợp tác cùng chung sống hoà bình chiếm ưu thế trong nền chính trị toàn cầu khi mà cả thế giới đã trải qua một thế kỷ XX đầy biến động với hàng loạt các cuộc xung đột và chiến tranh “đa dạng” cả về quy mô và hình thức. Môi trường hoà bình, ổn định để phát triển là điều kiện lý tưởng để hoạt động hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực phát triển, trong đó có hợp tác

về VH-XH. Ngoài ra, sự cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc tại những điểm nóng trong nỗ lực định hình cấu trúc khu vực làm tăng nguy cơ xung đột, dẫn đến sự gia tăng hợp tác trong và ngoài khu vực, trong đó có hợp tác VH-XH, để giảm thiểu nguy cơ xung đột. Quan hệ Mỹ – ASEAN nằm trong tư duy chiến lược gia tăng sức mạnh mềm của Mỹ, thông qua sáng kiến hợp tác VH-XH, để tăng cường sự hiện diện tại khu vực.

b. Sự trỗi dậy của các nguy cơ an ninh phi truyền thống đòi hỏi tăng cường hợp tác văn hóa – xã hội

Thế kỷ XXI chứng kiến sự trỗi dậy của các nguy cơ an ninh phi truyền thống đòi hỏi các nước tăng cường hợp tác để giải quyết. Có thể kể đến một số nguy cơ như: sự trỗi dậy của tội phạm quốc tế, sự cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, chuyển đổi nhân khẩu học, chiến tranh an ninh mạng, v.v. *Một mặt*, các nguy cơ này có bản chất xuyên quốc gia nên buộc quốc gia phải tăng cường hợp tác để cùng đối phó, tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác VH-XH. *Mặt khác*, các vấn đề an ninh phi truyền thống sẽ tạo ra nhiều nguy cơ xung đột mới ngay trong chính từng vấn đề. Như vậy, hợp tác VH-XH sẽ giúp không chỉ giảm thiểu nguy cơ đối với từng nước từ các vấn đề trên mà còn giúp hạn chế nguy cơ xung đột vì các vấn đề này. Đây cũng là tác nhân thúc đẩy hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN.

#### 2.2.1.2. *Bối cảnh khu vực Đông Nam Á*

a. Sự gia tăng vai trò của ASEAN

ASEAN hiện là thị trường có sức tăng trưởng tiêu dùng phát triển nhanh với hơn 650 triệu dân (số liệu của UN Population Division). ASEAN cũng có lực lượng lao động trẻ lớn thứ 3 thế giới, là tiềm năng đảm bảo lợi thế cạnh tranh về kinh tế và phát triển của tổ chức này trong tương lai. ASEAN cho thấy tầm quan trọng đang lên của khối này trong các cơ chế hợp tác đa phương cũng như sự gia tăng vai trò của ASEAN khiến các nước lớn đều quan tâm phát triển hợp tác với ASEAN, trong đó có Mỹ. Sự quan tâm này không chỉ về chính trị và kinh tế mà còn gồm cả hợp tác VH-XH, là kênh hợp tác đưa người dân ASEAN và các quốc gia đối tác xích lại gần nhau hơn

và góp phần không nhỏ trong việc liên kết hợp tác những lĩnh vực khác.

b. Những thách thức đối với Mỹ và ASEAN trong khu vực đòi hỏi tăng cường hợp tác văn hóa – xã hội

Những thách thức đối với Mỹ và ASEAN bao gồm thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Nguy cơ an ninh truyền thống bao gồm sự cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc trong khu vực, và sự trỗi dậy của Trung Quốc, thách thức vai trò trung tâm của ASEAN trong các cơ chế hợp tác đa phương để xử lý những thách thức của khu vực, đặc biệt là các vấn đề xung đột lãnh thổ ở Biển Đông, sự bất đồng trong cơ chế quản lý nguồn nước xuyên biên giới giữa các nước ASEAN, và vấn đề già hoá dân số, v.v. Nguy cơ an ninh phi truyền thống như chiến tranh không gian mạng, và an ninh mạng dữ liệu số, đòi hỏi các quốc gia trong khu vực, trong đó có Mỹ và ASEAN phải tăng cường hợp tác để xây dựng khả năng thích ứng.

### **2.2.2. Các nhân tố bên trong**

#### **2.2.2.1. Lợi ích của Mỹ trong hợp tác văn hóa – xã hội với ASEAN**

Mỹ đã triển khai hàng loạt chính sách và sáng kiến để đảm bảo lợi ích của Mỹ tại khu vực, bao gồm: tối đa hoá lợi ích kinh tế của Mỹ; cạnh tranh ảnh hưởng và sự hiện diện với Trung Quốc tại khu vực; gia tăng sức mạnh mềm; phổ biến các giá trị của Mỹ đến người dân các nước Đông Nam Á; và hỗ trợ các quan hệ an ninh – chính trị và kinh tế.

#### **2.2.2.2. Lợi ích của ASEAN trong hợp tác văn hóa – xã hội với Mỹ**

Hợp tác VH-XH với Mỹ giúp ASEAN cân bằng quan hệ với Trung Quốc trước sự cạnh tranh và phát huy ảnh hưởng VH-XH tại khu vực. Đồng thời, thông qua hợp tác và viện trợ phát triển, ASEAN có thể tranh thủ nguồn lực hỗ trợ của Mỹ để giải quyết các vấn đề VH-XH của mình, xây dựng ý thức chung về bản sắc ASEAN, từ đó quảng bá giá trị VH-XH của ASEAN ra ngoài khu vực, góp phần xây dựng và phát triển Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN thành một xã hội chia sẻ, hoà thuận, có trách nhiệm và lấy con người làm trung tâm, tăng cường sự thấu hiểu lẫn nhau, xây dựng lòng tin, tạo điều kiện phát triển quan hệ với Mỹ trên các lĩnh vực khác.

## CHƯƠNG 3

### NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI HỢP TÁC VĂN HOÁ – XÃ HỘI CỦA MỸ VỚI ASEAN

#### 3.1. Chính sách hợp tác văn hoá – xã hội của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009 – 2020

##### *3.1.1. Khái quát về chủ trương hợp tác của Mỹ với ASEAN*

Mỹ đã nhận thức được sự thịnh vượng và an ninh trong tương lai của Mỹ gắn liền với châu Á – Thái Bình Dương, Tổng thống Barack Obama đã đưa ra cam kết chiến lược nhằm tái cân bằng các nỗ lực hợp tác và đầu tư của Mỹ đối với ASEAN. Tuy Tổng thống Trump đã điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng ưu tiên lợi ích của người dân Mỹ và rút Mỹ ra khỏi nhiều cơ chế hợp tác đa phương tại khu vực, tuyên bố về chiến lược “Án Độ Dương – Thái Bình Dương mở và tự do” tại Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương 2017 đã khẳng định tham vọng của ông về một khu vực ảnh hưởng rộng lớn hơn so với châu Á – Thái Bình Dương như trước đây. Gần đây, Mỹ đã tăng gấp đôi nguồn lực hợp tác trên nhiều lĩnh vực, trong đó có VH-XH, cụ thể là các nỗ lực nâng cao năng lực về công nghệ, giáo dục, quản lý thiên tai, an ninh lương thực, nhân quyền và tạo thuận lợi thương mại. Hợp tác phát triển Mỹ – ASEAN tiếp tục tập trung vào các nguồn lực ngoại giao công chúng và hỗ trợ phát triển kinh tế, hợp tác năng lượng, giao lưu nhân dân, thanh niên và giáo dục, khẳng định Mỹ vẫn sẽ luôn là một đối tác đáng tin cậy, mạnh mẽ và tích cực trong khu vực.

##### *3.1.2. Chính sách hợp tác của Mỹ với ASEAN trên lĩnh vực văn hoá*

###### *3.1.2.1. Mục tiêu chính sách*

Mục tiêu chính trong chính sách hợp tác văn hoá của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009 – 2020 gồm: (1) quảng bá hình ảnh và giá trị Mỹ; (2) giải thích động cơ và chính sách đối ngoại của Mỹ theo một cách hoà bình, thân thiện, và hiệu quả; (3) thúc đẩy ngoại giao công chúng và giao lưu nhân dân; và (4) tạo nền tảng của sự tin tưởng về những giá trị chung.

###### *3.1.2.2. Nội dung chính sách*

Trong Kế hoạch hành động 2011 – 2015 để triển khai quan hệ đối tác ASEAN – Mỹ vì hoà bình và thịnh vượng, hai bên đã thống nhất nội dung hợp tác trong lĩnh vực văn hoá thông qua các chương trình trao đổi văn hoá, giáo dục và giao lưu con người. Sau đó, trong Kế hoạch hành động Thực hiện quan hệ đối tác chiến lược 2016 – 2020, Mỹ và ASEAN đã xác định năm lĩnh vực ưu tiên hợp tác, gồm Hội nhập kinh tế; Hợp tác hàng hải; Các thách thức xuyên quốc gia như biến đổi khí hậu; Các nhà lãnh đạo mới nổi; và Cơ hội của phụ nữ. Như vậy, hai bên ưu tiên hợp tác sâu và rộng trong các lĩnh vực liên quan đến quá trình xây dựng và thúc đẩy các giá trị văn hoá, bản sắc của ASEAN thông qua các công cụ truyền thông, tăng cường sự hiểu biết về văn hoá của nhân dân hai bên, qua đó từng bước giải thích động cơ và chính sách đối ngoại của mình, khuyến khích người dân và chính phủ các nước dành sự ưu tiên chính sách và trao đổi hợp tác dựa trên cơ sở chia sẻ những giá trị, lợi ích và nguồn lực chung.

### *3.1.2.3. Các biện pháp thực hiện chính*

Chính phủ Mỹ đã sử dụng mô hình phổ biến trong hợp tác văn hoá với các nước ASEAN là các chương trình trao đổi văn hoá, giáo dục và nghệ thuật. Cụ thể là những chương trình tài trợ, hỗ trợ cho việc quảng bá các sản phẩm điện ảnh, sân khấu và nghệ thuật biểu diễn, ấn phẩm văn học, tài liệu, tổ chức văn hoá, diễn đàn, sự kiện ngày/tuần/tháng văn hoá ở nước ngoài. Mục tiêu của những chương trình này, ngoài việc bảo tồn giá trị và di sản văn hoá, nhằm góp phần xây dựng lòng tin của các nước ASEAN với Mỹ, khắc họa hình ảnh Mỹ như một quốc gia thân thiện, vì hoà bình và phát triển, luôn tôn trọng sự “đa dạng trong thống nhất” của các quốc gia ASEAN.

#### *3.1.3. Chính sách hợp tác của Mỹ với ASEAN về các vấn đề xã hội*

##### *3.2.2.1. Mục tiêu chính sách*

Mục tiêu chủ yếu của các chính sách hợp tác về các vấn đề xã hội của Mỹ với ASEAN là: (1) khuyến khích mối quan hệ nhân dân, giúp tăng cường mối liên kết tự nhiên giữa sự đa dạng của Mỹ và lợi ích của Mỹ ở Đông Nam Á; (2) thúc đẩy các giá trị dân chủ, tạo dựng một hệ thống dựa trên luật lệ,



tạo điều kiện cho việc xây dựng các thể chế quốc tế mang tính hội nhập tại khu vực; (3) tạo niềm tin cho khu vực về sự bền vững của những cam kết của Mỹ đối với châu Á, nhằm tạo thuận lợi cho Mỹ khi đàm phán về tương lai châu Á; (4) tạo chuẩn mực cao để bảo vệ người dân, bảo vệ môi trường thông qua nỗ lực nâng cao năng lực ứng phó của các chính phủ và người dân nhằm kéo khu vực đoàn kết lại với nhau vì một mục đích chung liên quan đến tất cả các quốc gia trong việc giải quyết nguy cơ an ninh phi truyền thống tại khu vực như thiên tai, dịch bệnh, v.v.

### *3.1.2.2. Nội dung chính sách*

Trong *Kế hoạch hành động 2011 – 2015 để triển khai quan hệ đối tác ASEAN – Mỹ*, hai bên đã thống nhất chín mảng hợp tác trong lĩnh vực xã hội. Trong *Kế hoạch hành động 2016 – 2020 để triển khai đối tác chiến lược ASEAN – Mỹ*, 09 mảng này đã được điều chỉnh chỉ còn bảy mảng: quản trị thiên tai; môi trường, biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học; khoa học và công nghệ; sức khoẻ cộng đồng; giáo dục và thanh niên; trao đổi văn hoá và giao lưu con người; và phúc lợi xã hội.

Có thể thấy rằng nội dung và phạm vi hợp tác về các vấn đề xã hội giữa Mỹ và ASEAN giai đoạn chính quyền Tổng thống Obama khá đa dạng và toàn diện, trải dài bao phủ các lĩnh vực đời sống xã hội của người dân hai bên, đóng góp vào sự phát triển chung của các quốc gia và khu vực. Tuy nhiên, chính quyền Tổng thống Donald Trump đã cắt giảm đáng kể ngân sách chi cho các vấn đề quốc tế, để tập trung cho các chương trình ưu tiên đảm bảo quyền lợi của người dân Mỹ. Theo đó, trong hàng loạt các sáng kiến hợp tác VH-XH giữa Mỹ với ASEAN, Bộ Ngoại giao Mỹ chỉ duy trì ngân sách chi cho các chương trình trong khuôn khổ sáng kiến Fulbright.

### *3.1.2.3. Các biện pháp thực hiện chính*

Các biện pháp triển khai chính sách hợp tác của Mỹ với ASEAN về các vấn đề xã hội được thực hiện thông qua các hoạt động liên quan đến đào tạo, thúc đẩy các giá trị dân chủ, xây dựng năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, và hỗ trợ nhân đạo. Những hoạt động

trong lĩnh vực đào tạo và xây dựng năng lực đội ngũ lãnh đạo trẻ được thực hiện thông qua các chương trình trao đổi học thuật, hỗ trợ các sáng kiến kết nối lãnh đạo trẻ, và nâng cao năng lực cho người dân ASEAN. Những hoạt động về các vấn đề xã hội khác được triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng như tài trợ các chương trình trao đổi nhân dân, xây dựng năng lực tìm kiếm cứu nạn, giảm nhẹ thiên tai, viện trợ y tế, các sáng kiến về môi trường bền vững, và tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho các quốc gia thành viên ASEAN.

### **3.2. Thực tiễn triển khai các hoạt động hợp tác văn hoá – xã hội giữa Mỹ và ASEAN**

#### ***3.2.1. Trên lĩnh vực văn hoá***

##### ***3.2.1.1. Nghệ thuật biểu diễn***

Hoạt động hợp tác về nghệ thuật biểu diễn của Mỹ và ASEAN luôn được triển khai định kỳ, chủ yếu dưới hình thức giao lưu, trao đổi song phương. Đồng thời, tại các nước khác nhau thì việc quảng bá hình ảnh nước Mỹ thông qua nghệ thuật biểu diễn được triển khai khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm xã hội và văn hoá của nước đó. Mục tiêu của các chương trình này nhằm tăng cường sự hiểu biết về những đặc trưng văn hoá, cụ thể trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, của Mỹ và ASEAN, cũng như thúc đẩy hoạt động giao lưu nhân dân để thắt chặt tình đoàn kết giữa người dân hai bên.

##### ***3.2.1.2. Bảo tồn di sản văn hoá***

Hoạt động hợp tác về bảo tồn các di sản văn hoá của Mỹ với ASEAN được thực hiện chủ yếu trên lĩnh vực hợp tác song phương với các quốc gia thành viên ASEAN, trong đó, Mỹ hỗ trợ cho các dự án bảo tồn các địa điểm văn hoá, gồm di tích, di chỉ, hiện vật khảo cổ hoặc dân tộc học, công trình kiến trúc, và những hình thức biểu đạt văn hoá truyền thống như âm nhạc và múa. Những dự án này, một mặt, hỗ trợ các nước ASEAN bảo tồn di sản văn hoá dân tộc, mặt khác, thể hiện sự tôn trọng của Mỹ đối với các nền văn hoá khác, làm sâu sắc hơn sự thấu hiểu các giá trị di sản và văn hoá truyền thống dân tộc của người dân hai bên.

### *3.2.1.3. Điện ảnh*

Cả Mỹ và ASEAN đều nỗ lực giới thiệu văn hoá, con người tới khán giả nước bạn, thông qua những tác phẩm điện ảnh xuất sắc, được trình chiếu tại các tuần lễ phim tại nước ngoài. Thông qua những bộ phim bom tấn (blockbuster), cũng như sự gia tăng phát sóng số lượng phim Mỹ trên các kênh truyền hình ASEAN, lịch sử, văn hoá Mỹ và các quốc gia ASEAN sẽ được thể hiện một cách sống động, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau về các giá trị văn hoá của người dân Mỹ và người dân ASEAN. Ngoài ra, thông qua điện ảnh và phim truyền hình, Mỹ đã quảng bá hình ảnh của một siêu cường sẵn sàng lãnh đạo thế giới với những giá trị hấp dẫn như sự tự do, dân chủ, thịnh vượng, yêu chuộng hoà bình, luôn sẵn lòng dẫn lối cho những thay đổi tích cực vì sự tiến bộ của nhân loại.

### *3.2.1.4. Giáo dục – Đào tạo*

Mỹ tập trung đầu tư vào hợp tác trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo với ASEAN thông qua rất nhiều chương trình học bổng và trao đổi nhằm phát triển thế hệ thanh niên có tư duy chiến lược và có tầm nhìn xa. Ngoài những chương trình giáo dục bậc đại học, Mỹ và ASEAN còn xây dựng nhiều sáng kiến hợp tác đa phương, nổi bật nhất là các chương trình trong khuôn khổ học bổng Fulbright, và chương trình Kết nối Mekong qua Giáo dục và Đào tạo. Ngoài mục tiêu tăng cường ngoại giao công chúng, Mỹ và ASEAN, Mỹ có thể góp phần đào tạo thế hệ trẻ, những người có thể trở thành những nhà hoạch định chính sách của các nước có quan hệ hợp tác với Mỹ, từ đó, có thể tác động đến quá trình hoạch định chính sách có lợi cho Mỹ tại khu vực.

## **3.2.2. Trên lĩnh vực xã hội**

### *3.2.2.1. Xây dựng năng lực kết nối lãnh đạo trẻ*

Hoạt động hợp tác xây dựng năng lực kết nối lãnh đạo trẻ được triển khai theo những ưu tiên của ASEAN. Cụ thể, ASEAN khuyến khích lãnh đạo trẻ tham gia nhiều hơn vào các vấn đề của khu vực, qua đó hoàn thiện sự phát triển của cá nhân, đóng góp vào quá trình hình thành bản sắc quốc gia và khu vực. Những trải nghiệm tại Mỹ nhằm nâng cao năng lực góp phần

tạo cơ hội cho lãnh đạo trẻ tương lai của ASEAN và Mỹ có thể xây dựng mạng lưới mối quan hệ (networking) để thấu hiểu hơn mối quan tâm của hai bên; tăng cường liên kết giữa giới trẻ hai bên trong việc giải quyết các thách thức chung của khu vực và toàn cầu; qua đó thu hẹp các rào cản đối với thế hệ trẻ trong khu vực. Đồng thời, Mỹ khẳng định được vai trò định hướng và hỗ trợ các nước ASEAN trong việc xây dựng năng lực cho thế hệ trẻ để khi trở về, họ có thể áp dụng những kỹ năng và kiến thức về lãnh đạo và tổ chức, đóng góp vào việc xây dựng cộng đồng trong khối ASEAN.

#### *3.2.2.2. Thúc đẩy các giá trị dân chủ và nhân quyền*

Tuy vào thể chế chính trị, đặc điểm VH-XH và tình hình nội bộ của các nước thành viên ASEAN mà Mỹ xác định lựa chọn nhấn mạnh hoặc giảm nhẹ yếu tố dân chủ và nhân quyền trong quan hệ ngoại giao song phương. Đồng thời, ngoài các cơ quan chính phủ Mỹ, việc triển khai các sáng kiến thúc đẩy dân chủ hoá và phổ quát các quyền cơ bản của người dân còn được thực hiện thông qua hàng loạt chương trình trao đổi nhân dân thực hiện bởi các tổ chức phi chính phủ, nhóm lợi ích, và tổ chức xã hội của Mỹ.

#### *3.2.2.3. Hoạt động nhân đạo*

Mỹ luôn tích cực ủng hộ các chương trình cũng như kế hoạch hỗ trợ nhân đạo và ứng phó với thiên tai của tổ chức ASEAN và cả các quốc gia thành viên. Hoạt động ngoại giao công chúng này cho thấy Mỹ muốn giới thiệu hình ảnh một quốc gia dân chủ, quan tâm tới các chương trình phát triển quốc tế, viện trợ nhân đạo, vì một thế giới tốt đẹp hơn. Ngoài ra, cũng thông qua các hoạt động này, Mỹ muốn áp đặt sự phụ thuộc của các quốc gia đối với Mỹ, để từ đó Mỹ có thể dễ dàng tham gia vào việc trao đổi hợp tác, điều chỉnh chính sách đối ngoại của các quốc gia theo hướng có lợi cho Mỹ.

#### *3.2.2.4. Bảo vệ môi trường*

Mỹ liên tục mở rộng liên kết với khu vực sông Mekong và tăng cường hợp tác với các nước ASEAN để cùng giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường. Với sự hỗ trợ của Mỹ, ASEAN đã tăng cường chia sẻ dữ liệu về nhiều thách thức về môi trường như ô nhiễm môi trường, quản lý nguồn nước

và rác thải, biến đổi khí hậu, v.v. nhằm cải thiện chất lượng môi trường tại khu vực, hướng đến xây dựng khu vực Đông Nam Á thịnh vượng và có môi trường lành mạnh bền vững, làm nền tảng cho sự thịnh vượng chung của các quốc gia và khu vực.

### 3.2.2.5. Trao quyền cho phụ nữ

Hợp tác Mỹ – ASEAN trong các vấn đề về giới, được triển khai chủ yếu trên lĩnh vực ngoại giao đa phương, đã góp phần mang lại cơ hội phát triển cho phụ nữ và trẻ em gái; thông qua đó giúp giải quyết các nguyên nhân gốc rễ của nghèo đói và bất ổn xã hội, tăng cường hội nhập kinh tế, nuôi dưỡng các nhà lãnh đạo nữ mới nổi, và giải quyết các thách thức xuyên quốc gia.

### 3.2.2.6. Y tế

Hợp tác y tế của Mỹ với ASEAN khá phong phú trên cả ngoại giao song phương và đa phương, nhưng đa phần tập trung vào hợp tác song phương Mỹ với các quốc gia ASEAN trên ba mảng chính gồm Phòng, chống các bệnh truyền nhiễm có nguồn lây từ động vật; Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em, và ngăn ngừa tử vong ở bà mẹ và trẻ em; và Kiểm soát đại dịch HIV/AIDS. Các chương trình này đã giúp cứu người, bảo vệ người nhiễm bệnh và thúc đẩy sức khoẻ của cộng đồng ASEAN và Mỹ, giúp hai bên đáp ứng tốt hơn những mục tiêu y tế toàn cầu của thế kỷ XXI.

## CHƯƠNG 4

### NHẬN XÉT VÀ DỰ BÁO VỀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VĂN HOÁ – XÃ HỘI CỦA MỸ VỚI ASEAN

#### 4.1. Nhận xét

Thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN đã đạt được mục tiêu nâng cao vị thế, sự ảnh hưởng, và sự hiện diện của Mỹ tại khu vực. Bằng các công cụ ngoại giao văn hoá, ngoại giao nhân dân, ngoại giao công chúng trải dài trên rất nhiều các vấn đề VH-XH trong quan hệ với ASEAN, Mỹ đã cân bằng được lợi ích của mình tại khu vực theo hướng hoà bình, hợp tác, hiệu quả mà không phải sử dụng đến bạo lực, hoặc trừng phạt kinh tế. Cách tiếp cận này giúp Mỹ tạo được lòng tin vào nỗ lực xây dựng

môi trường hoà bình, thịnh vượng đầy thiện chí để các quốc gia ASEAN tăng cường hợp tác để cùng phát triển, tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong các cơ chế hợp tác đa phương do ASEAN dẫn dắt tại khu vực.

## **4.2. Tác động tới ASEAN**

### ***4.2.1. Tác động tích cực***

Thực tiễn hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN đã có nhiều đóng góp cho sự hợp tác chung giữa Mỹ và các nước ASEAN, giúp kết nối hợp tác của ASEAN với các cơ chế hợp tác toàn cầu trong lĩnh vực VH-XH. Đồng thời, giúp Mỹ xây dựng hình ảnh một quốc gia dân chủ, quan tâm tới các chương trình phát triển quốc tế, các hoạt động nhân đạo, nỗ lực vì sự phát triển bền vững, và thịnh vượng của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á nói riêng và trên thế giới nói chung.

### ***4.2.2. Tác động tiêu cực***

Việc phụ thuộc quá nhiều vào mối quan hệ hợp tác với Mỹ trên lĩnh vực VH-XH có thể mang lại những tác động tiêu cực như sự nghi ngờ từ các đối thủ cạnh tranh, nguy cơ bị phai nhạt bản sắc văn hoá bản địa khi văn hoá Mỹ lan toả rộng và tác động sâu tới đời sống văn hoá và các hoạt động khác của nhân dân ASEAN. Bên cạnh đó, những chương trình, sáng kiến hợp tác trên lĩnh vực xã hội, cụ thể trong vấn đề về thúc đẩy các giá trị dân chủ và nhân quyền, tạo ra nguy cơ bị can thiệp và xung đột giá trị ở một số nước ASEAN.

## **4.3. Triển vọng của hoạt động hợp tác văn hoá – xã hội của Mỹ với ASEAN giai đoạn sau 2020**

Dựa trên nhận xét về hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009-2020 và tác động đến ASEAN như đã phân tích ở trên, tác giả nhận thấy có nhiều cơ sở để cho rằng sự hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN vẫn tiếp tục trong thời gian tới vì đây vẫn là cách thức phù hợp để Mỹ phát huy sức mạnh mềm trong quan hệ với ASEAN. Quan trọng hơn, các nước ASEAN vẫn cần duy trì và phát triển hợp tác VH-XH với Mỹ. Mặc dù có nhiều biến động trong thập kỷ vừa qua, Mỹ vẫn là hình mẫu lý tưởng về quản trị và các giá trị sức mạnh mềm, đặc biệt là trong giáo dục – đào tạo

và hỗ trợ nhân đạo, Mỹ vẫn sẽ là đối tác quan trọng hàng đầu của ASEAN trong mối quan hệ hợp tác thúc đẩy ngoại giao công chúng và ngoại giao văn hoá. Vì vậy, trong thời gian tới, Mỹ sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ hơn với ASEAN trong các vấn đề VH-XH nhằm thúc đẩy sự can dự và hiện diện của Mỹ tại Đông Nam Á, cũng như góp phần dẫn dắt sự định hình cấu trúc khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

#### **4.4. Khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam**

Qua phân tích thực tiễn hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN và tác động của những hoạt động đó, tác giả đề xuất một số khuyến nghị trong công tác đối ngoại nhân dân, hợp tác VH-XH ở Việt Nam. Cụ thể: Tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, mở rộng công tác đối ngoại nhân dân giữa Việt Nam với Mỹ; nâng cao năng lực đối ngoại của các tổ chức nhân dân trong và ngoài nước; tăng cường trao đổi sinh viên, cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam ra nước ngoài; phát huy vai trò của phương tiện truyền thông đại chúng trong việc giới thiệu Việt Nam ra thế giới; khéo léo xử lý vấn đề dân chủ và nhân quyền trong quan hệ với Mỹ; tích cực xây dựng và đề xuất sáng kiến hợp tác quốc tế tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế như ASEAN, EAS về các vấn đề xã hội đang là thách thức của Việt Nam; xây dựng chương trình thúc đẩy hợp tác quốc tế về điện ảnh và truyền hình.

### **KẾT LUẬN**

Quan hệ Mỹ – ASEAN đã trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển. Hai bên hiện là đối tác chiến lược với việc mở rộng quan hệ trên tất cả các lĩnh vực hợp tác, từ kinh tế, hỗ trợ nhân đạo, an ninh đến văn hoá, giáo dục. Hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN giai đoạn 2009 – 2020 luôn là một hợp phần quan trọng trong chính sách hợp tác của Mỹ đối với ASEAN vì những tác động qua lại có liên quan đến hoạt động hợp tác về kinh tế và an ninh – chính trị. Nội dung hợp tác VH-XH tương đối phong phú, đa dạng, bao trùm hầu hết các vấn đề văn hoá và xã hội trong quan hệ Mỹ – ASEAN. Có thể kể đến hàng loạt chương trình giao lưu, trao đổi văn hoá, nghệ thuật, học giả, sinh viên, lãnh đạo trẻ, hoặc các sáng kiến bảo vệ môi trường, nâng

cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, dịch bệnh, thúc đẩy dân chủ, nhân quyền, và trao quyền cho phụ nữ, v.v. đã được triển khai trong hai chính quyền tổng thống từ năm 2009 đến năm 2020.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đó, những chương trình này không được triển khai liên tục và đồng đều mà có sự điều chỉnh theo từng thời kỳ tổng thống. Chính quyền Tổng thống Obama, xuyên suốt hai nhiệm kỳ, đã chú trọng đầu tư vào các hoạt động thúc đẩy sức mạnh mềm, sức mạnh thông minh thông qua hợp tác song phương và đa phương với ASEAN trong các vấn đề văn hoá và xã hội như giáo dục và đào tạo, giao lưu văn hoá, trao đổi học thuật, tạo cơ hội để người dân ASEAN có cái nhìn thiện cảm hơn, đa chiều hơn về Mỹ, làm sâu sắc thêm sự thấu hiểu và gắn kết giữa người dân Mỹ và ASEAN, từ đó góp phần tăng cường sự ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực. Đồng thời, ông cũng nhấn mạnh hình ảnh một nước Mỹ là đối tác hàng đầu của các quốc gia ASEAN trong công tác viện trợ và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh. Ngược lại, Tổng thống Donald Trump bắt đầu nhiệm kỳ của mình với sự xem nhẹ vai trò của sức mạnh mềm cũng như các hoạt động hợp tác trên lĩnh vực VH-XH. Ông cắt giảm ngân sách cho hàng loạt các chương trình, sáng kiến của người tiền nhiệm để tập trung vào phát triển nền kinh tế Mỹ, tạo điều kiện ưu tiên công ăn việc làm cho nhân dân Mỹ với phương châm “Nước Mỹ trên hết” và “Làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại”. Chính những điều chỉnh này đã khiến hình ảnh của nước Mỹ “xấu đi” trong cảm nhận của người dân Đông Nam Á về vai trò lãnh đạo của Mỹ ở khu vực.

Mặc dù vậy, hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN đã đạt được nhiều kết quả nhất định, dù rằng chưa đồng đều tại các quốc gia Đông Nam Á. Lý do là vì các nước ASEAN có sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, đặc điểm VH-XH, cũng như đặc điểm quan hệ ngoại giao song phương với Mỹ. Đồng thời, thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN phần nhiều nghiêng về hợp tác song phương nhiều hơn là hợp tác đa phương dù rằng ASCC đã ra đời từ cuối năm 2015. Như vậy có thể nói rằng, hoạt động hợp tác giữa Mỹ và các nước ASEAN khá đa dạng dựa



theo nhu cầu cũng như đặc điểm riêng của từng nước. Ví dụ, tại lưu vực sông Mekong, sự hỗ trợ của Mỹ với năm nước ASEAN ở khu vực này tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững với các dự án hỗ trợ xoá đói giảm nghèo, giúp đỡ người khuyết tật hoà nhập cộng đồng, xoá bỏ rào cản mất cân bằng xã hội, nâng cao an ninh nguồn nước lưu vực sông và bảo vệ môi trường.

Nhìn chung, hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN được triển khai bằng công cụ ngoại giao văn hoá và ngoại giao công chúng theo tư duy sức mạnh mềm của Mỹ. Đây là phương thức quan trọng trong mục tiêu hợp tác của Mỹ tại Đông Nam Á với các hoạt động hướng đến đảm bảo công chúng thông qua lợi thế về khoa học – kỹ thuật tiên tiến cùng với sự hấp dẫn của các giá trị Mỹ. Vì vậy, có thể thấy rằng những chính sách và thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác VH-XH Mỹ – ASEAN đã đạt được mục tiêu mở rộng sự ảnh hưởng và sự hiện diện của Mỹ tại khu vực. Điều này có nghĩa là Mỹ đã phần nào thành công trong việc thay đổi hình ảnh một đế quốc bá quyền xâm lược thành một quốc gia tôn trọng hoà bình, chủ quyền và phát triển, mang sứ mạng kiến tạo và gìn giữ hoà bình tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Đối với các nước ASEAN, hoạt động hợp tác VH-XH với Mỹ tạo cơ hội cho ASEAN giới thiệu, phát huy các quan điểm, giá trị, nguyên tắc của mình, qua đó có thể giúp phát huy vai trò trung tâm của ASEAN trong các cơ chế đa phương tại khu vực. Đồng thời, sự hỗ trợ của Mỹ giúp ASEAN nâng cao năng lực ứng phó với các vấn đề VH-XH của quốc gia thành viên, từ đó đóng góp cho sự phát triển VH-XH của ASEAN, giúp thu hẹp khoảng cách phát triển và thúc đẩy hội nhập quốc tế ở khu vực. Quan trọng hơn, hợp tác VH-XH với Mỹ giúp thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện của ASEAN với Mỹ, giúp ASEAN có thể cân bằng được ảnh hưởng văn hóa – xã hội của Trung Quốc tại khu vực.

Như vậy, không thể phủ nhận những nỗ lực tăng cường hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI. Những chương trình, sáng kiến hợp tác kể trên có sự phù hợp với chính sách toàn

câu của Mỹ trong nỗ lực phổ biến các giá trị, văn hoá và chính sách Mỹ, nâng cao ảnh hưởng và phát huy sức mạnh mềm. Đây cũng là mục tiêu chính của hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn từ năm 2009 đến 2020.

Trên cơ sở phân tích thực tiễn triển khai hoạt động hợp tác VH-XH của Mỹ với ASEAN nói chung và tác động của những hoạt động đó tới hoạt động hợp tác Việt – Mỹ trên các lĩnh vực VH-XH nói riêng, tác giả đề xuất một số khuyến nghị đối với Việt Nam nhằm tăng cường khả năng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động hợp tác quốc tế với Mỹ và các quốc gia ASEAN. Có thể tóm tắt một số khuyến nghị gồm: (1) tăng cường năng lực lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, mở rộng công tác đối ngoại nhân dân, giao lưu và hỗ trợ lẫn nhau giữa chính phủ và các tổ chức giao lưu nhân dân của Việt Nam với các tổ chức của Mỹ; (2) nâng cao năng lực đối ngoại của các tổ chức nhân dân trong và ngoài nước, xây dựng *Không gian văn hoá Việt* tại các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài; (3) tăng cường trao đổi sinh viên, cấp học bổng cho sinh viên Việt Nam ra nước ngoài, và cho sinh viên nước ngoài tới học tập và nghiên cứu tại Việt Nam; (4) chủ động phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông đại chúng trong việc giới thiệu Việt Nam trên nhiều lĩnh vực từ lịch sử, kinh tế, đến VH-XH; (5) khéo léo xử lý vấn đề dân chủ và nhân quyền trong quan hệ với Mỹ thông qua hoạt động đối thoại về cách tiếp cận khác nhau giữa hai nước để giải quyết các quan tâm của Mỹ đối với Việt Nam; (6) tích cực đề xuất sáng kiến hợp tác quốc tế tại các diễn đàn, tổ chức quốc tế như ASEAN, EAS đối với các vấn đề xã hội đang là thách thức của Việt Nam, nhằm giải quyết các vấn đề xã hội của quốc gia, và góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các quốc gia thành viên ASEAN, qua đó thúc đẩy hội nhập khu vực và ASCC phát triển; (7) thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điện ảnh và truyền hình để những giá trị, tư tưởng, văn hoá và đặc biệt là chính sách đối ngoại của Việt Nam có thể được giới thiệu đến công chúng quốc tế, góp phần thúc đẩy sự hiểu biết sâu hơn về con người và đất nước Việt Nam.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ  
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

- Lê Thị Phương Loan, Võ Thị Giang (2020), “ASEAN-U.S. Economic cooperation and its Impacts on Regional Security and Development”, *International Journal of Social Science and Economic Research*, Vol. 5 (10), pp.3103-3125.
- Lê Thị Phương Loan (2020), “American soft power in Southeast Asia from 2009 – 2019”, *International Conference on Prospect of structure in Asia Pacific to 2025 and Viet Nam’s response*, pp.226-236.
- Lê Thị Phương Loan, Luong Ánh Linh (2020), “The rise of cultural diplomacy in U.S. – ASEAN in the first decades of the 21<sup>st</sup> century”, *2020 International Graduate Research Symposium & 10<sup>th</sup> East Asia Chinese Teaching Forum (2020 IGRS & 10<sup>th</sup> AECTF) at ULIS (1)*, pp.636 – 644.
- Lê Thị Phương Loan, Võ Thị Giang (2021), “Cultural diplomacy in Viet Nam’s Foreign Policy in the period of 2001 – 2020”, *Asian Journal of Arts, Culture and Tourism*, Vol. 3 (1), pp.1-13.